

Bản án số 347/2024/HS-PT
Ngày 19-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;
Các Thẩm phán: ông Trần Quang Minh;
ông Nguyễn Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Hải Anh - Thư kí Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: ông Bùi Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 167/2024/TLHS-PT ngày 05 tháng 2 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị Hải L, do có kháng cáo của bị cáo với Bản án số 626/2023/HSST ngày 29-12-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Thị Hải L sinh năm 1972; NĐKHKT: khối xx phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nơi ở: số xxx, phường X, quận T, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: khi phạm tội là Tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn ĐT & XD N; trình độ học vấn: 10/10; con ông Nguyễn Gia B (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; có chồng là Phan Đoàn D (đã chết) và 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt giam ngày 12-05-2022; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư Nguyễn Trọng H - Công ty C, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

- Người bị hại:

+ Chị Vũ Thị H sinh năm 1963; trú tại: số x, phường H, quận K, thành phố Hà Nội.

+ Chị Vy Thị T sinh năm 1968; trú tại: nhà số x, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Từ năm 2018, Nhà nước không có chủ trương bán thanh lý đối với diện

tích nhà đất thuộc quản lý của Văn phòng Quốc hội. Bản thân bị cáo Nguyễn Thị Hải L không có chức năng, nhiệm vụ trong Văn phòng Quốc hội, không có khả năng giao dịch mua bán nhà của nhà nước; bị cáo L cũng không có khả năng xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất tại phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm; đồng thời không có chức năng xem xét quyết định việc giảm án phạt tù nhưng để có tiền chi tiêu cá nhân bị cáo L vẫn đưa ra thông tin gian dối hứa hẹn là có thể mua thanh lý được nhà đất thuộc quản lý của Văn phòng Quốc hội cho bà Vũ Thị H; chuyển đổi mục đích sử dụng đất, xin giảm án tù giam cho bà Vy Thị T để chiếm đoạt tiền của các bị hại. Bằng thủ đoạn nêu trên, bị cáo L đã thực hiện các hành vi chiếm đoạt như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt số tiền 30.000.000.000 đồng của chị Vũ Thị H

Ngày 07/06/2011, Nguyễn Thị Hải L đăng ký thành lập Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Thanh Liêm (địa chỉ trụ sở: số nhà xxx đường G, phường G, quận H, thành phố Hà Nội), do bị cáo L làm Tổng giám đốc. Ngày 05/05/2015, L làm thủ tục đăng ký thay đổi tên Công ty thành Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng N, bổ sung thêm ông Đặng Minh T1 và anh Huỳnh Hải H1 là cổ đông của Công ty, tuy nhiên trên thực tế các cổ đông không góp vốn và không tham gia điều hành hoạt động. Công ty N không có vốn điều lệ để hoạt động, không có hoạt động sản xuất kinh doanh.

Khoảng đầu năm 2018, ông Đặng Minh T1 quen chị Nguyễn Thị Ngọc B, chị B đã giới thiệu với ông T1 về việc Nhà nước có chủ trương bán khu đất diện tích khoảng 5.000 m² do Văn phòng Quốc hội quản lý tại địa chỉ số: 27A phố Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (*Gọi tắt là lô đất 27A phố Trần Hưng Đạo*). B có khả năng và sẽ làm thủ tục xin mua thanh lý được diện tích đất trên nếu tìm kiếm nhà đầu tư có năng lực tài chính. Ông T1 đã giới thiệu cho bị cáo L gặp chị B, khi gặp bị cáo L chị B vẫn cam kết như trên nên B và bị cáo L thỏa thuận bị cáo L sẽ tìm kiếm nhà đầu tư còn B sẽ lo thủ tục mua thanh lý thửa đất nêu trên. Thông qua các anh Hoàng V1, anh Nguyễn Đăng V2, anh Trần Minh T1 giới thiệu chị Vũ Thị H gặp bị cáo L. Khi gặp chị H được L giới thiệu có người nhà làm ở Văn phòng Chính phủ, hiện Nhà nước đang có chủ trương bán thanh lý nhà khách của Văn phòng Chính phủ nên khả năng mua được thanh lý lô đất 27A phố Trần Hưng Đạo, với giá tiền 400 triệu đồng/m².

Do tin tưởng nên ngày 05/01/2018, L và chị H lập văn bản thỏa thuận nội dung chị H nhờ L đứng ra giúp mua thanh lý lô đất trên, sẽ đặt cọc trước cho bị cáo L số tiền 13.500.000.000 đồng để mua lô đất 27A phố Trần Hưng Đạo. Sau khi ký thỏa thuận chị H giao bằng tiền mặt số tiền 13.500.000.000 đồng cho bị cáo L (*Có anh V1, anh V2, anh Trần Minh T1 cùng chứng kiến*). Sau khi nhận tiền bị cáo L trả cho anh Trần Minh T1, anh V1, anh V2 mỗi người 500.000.000 đồng tiền công.

Sau đó bị cáo L đã nhờ chị B đứng ra giúp làm thủ tục mua thanh lý lô đất 27A phố Trần Hưng Đạo thì chị B yêu cầu bị cáo L và chị H phải mở tài khoản,

nộp tiền vào tài khoản bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) để chứng minh năng lực tài chính và đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền mua lô đất, chị H đồng ý. Ngày 03/02/2018 bị cáo L, chị H (Bên A) ký hợp đồng khoán việc số 01/03022018/HĐKV với Nguyễn Thị Ngọc B (Bên B) nội dung B sẽ thực hiện các thủ tục để giúp cho bà H mua được nhà 27A phố Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Ngày 05/02/2018, chị H, L (bên A) cùng Nguyễn Thị Ngọc B (bên B) đã đứng tên mở 4 tài khoản tại Ngân hàng OCB để chị H nộp số tiền 100 tỷ đồng vào các tài khoản nêu trên để bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán tiền mua lô đất 27A phố Trần Hưng Đạo. Ngày 14/03/2018, Ngân hàng OCB ký giấy xác nhận số dư tài khoản số tiền 100 tỷ đồng cho Nguyễn Thị Ngọc B. L đã lập 05 bộ hồ sơ đứng tên Công ty N theo yêu cầu của B để ông Đặng Minh T1 gửi cho B để làm thủ tục đăng ký mua thanh lý lô đất 27A phố Trần Hưng Đạo. Sau khi nhận hồ sơ của L, chị B tìm hiểu và biết Nhà nước chưa có quyết định phê duyệt bán thanh lý lô đất 27A phố Trần Hưng Đạo do không giải tỏa được các hộ dân sinh sống tại khu tập thể nhà khách Văn phòng Quốc hội trên lô đất nên B chưa nộp hồ sơ để đăng ký mua thanh lý lô đất trên. Đến tháng 8/2018 chị H, L và chị B đã thống nhất chấm dứt thỏa thuận khoán việc đã ký với chị B trước đó, đồng thời làm thủ tục đề nghị Ngân hàng OCB trả lại số tiền 100 tỷ đồng cho chị H.

Sau khi chấm dứt thỏa thuận với chị B, L tiếp tục liên hệ với anh Huỳnh Hải H2 (*sinh năm 1971, HKTT: Số xx, phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh*) để nhờ H2 tìm hiểu thông tin và liên hệ thủ tục mua thanh lý lô đất 27A phố Trần Hưng Đạo. H2 đã tự tìm hiểu qua mạng thấy có thông tin Nhà nước có chủ trương bán lô đất 27A phố Trần Hưng Đạo nhưng chưa có quyết định phê duyệt chính thức. Cũng thông qua Huỳnh Hải H2 thì bị cáo Nguyễn Thị Hải L đã biết ông Đỗ Minh T2 (*sinh năm 1977, HKTT: số xx phố H, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội*). Khoảng tháng 8/2018, L gặp ông T1 để đặt vấn đề về việc nhờ ông T1 giúp mua thanh lý nhà 27A phố Trần Hưng Đạo, L đã đưa 12.000.000.000 đồng tiền mặt cho ông T2. Việc thỏa thuận và giao tiền giữa bị cáo L và ông T2 nêu trên không có văn bản ghi nhận và không có ai làm chứng. Sau đó, do chị H đòi tiền bị cáo L yêu cầu nên ông Đỗ Minh T2 trả lại số tiền 12.000.000.000 đồng nêu trên vào khoảng cuối năm 2018.

Do bị cáo L không thực hiện được cam kết mua thanh lý nhà 27A phố Trần Hưng Đạo nên chị H và bị cáo L đã thỏa thuận hủy giao dịch. Khoảng tháng 12/2018 bị cáo L hoàn trả lại cho chị H số tiền 13.500.000.000 đồng (*do ông Đỗ Minh T2 và các ông V1, V2, Trần Minh T1 chuyển trả lại*).

Trong khi chờ kết quả mua thanh lý lô đất 27A phố Trần Hưng Đạo thì bị cáo L tiếp tục nói với chị H thông tin về việc Nhà nước có chủ trương bán thanh lý lô đất là nhà khách của Văn Phòng Quốc hội ở địa chỉ số 35 phố Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (*gọi tắt là lô đất 35 Ngô Quyền*) diện tích khoảng 3.500 m² với giá khoảng 400 triệu đồng/m², chị H nhờ bị cáo L đứng ra mua thanh lý giúp chị H lô đất trên.

Từ ngày 05/02/2018 đến ngày 26/3/2018, chị H đã 04 lần chuyển tiền từ tài khoản của chị H mở tại các Ngân hàng VIB, MSB, BIDV đến tài khoản số 255255259 của L mở tại ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) với tổng số tiền 30.000.000.000 đồng (lần 1 chuyển số tiền 1.369.000.000 đồng ngày 05/02/2018; lần 2 chuyển số tiền 8.631.000.000 đồng ngày 05/02/2018; lần 3 chuyển số tiền 15 tỷ đồng ngày 06/02/2018; lần 4 chuyển số tiền 05 tỷ đồng ngày 26/03/2018). Ngày 25/3/2018, bị cáo L viết “giấy biên nhận: Đặt cọc nhà đất (Số 35 Ngô Quyền)” nội dung giấy ghi: “Chị H giao số tiền 30 tỷ đồng cho L để đặt cọc nhà và đất số 35 Ngô Quyền, diện tích 3.500m² với giá 400 triệu đồng/m² hẹn thời gian 12 tháng từ ngày 25/03/2018 đến 25/03/2019 sẽ hoàn tất thủ tục”, bị cáo L viết giấy biên nhận ký tên và giao cho chị H giữ.

Sau khi chị H đặt cọc số tiền 30.000.000.000 đồng cho bị cáo L để mua lô đất số 35 Ngô Quyền nhưng bị cáo L chưa làm thủ tục, do chị H nhiều lần hỏi L về kết quả nên đến tháng 05/2019, L liên hệ với Huỳnh Hải H2 nhờ tìm hiểu thông tin lô đất 35 Ngô Quyền, nên H2 tìm hiểu thông tin được biết Nhà nước có chủ trương cho thuê nên đã đồng ý giúp. Ngày 15/5/2019, L chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng từ tài khoản số 27378888 của bị cáo L mở tại Ngân hàng ACB đến tài khoản số 1090168888999 của Huỳnh Hải H2 mở tại ngân hàng TMCP Quân đội (MB) chi nhánh Hoài Đức ghi nội dung: “Thuê mặt bằng 35 Ngô Quyền” để H2 chi phí trong quá trình giúp L liên hệ thuê mặt bằng lô đất 35 Ngô Quyền. Nhưng khi bị cáo L thông tin cho chị H về việc nhà 35 Ngô Quyền chỉ cho thuê nên chị H không đồng ý yêu cầu bị cáo L trả lại tiền.

Đối với số tiền 30.000.000.000 đồng đặt cọc mua thanh L nhà 35 Ngô Quyền, L vẫn hứa hẹn sẽ mua được cho chị H, quá thời hạn cam kết bị cáo L không mua được, chị H nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng bị cáo L viện dẫn nhiều L do không trả tiền cho chị H nên tháng 01/2021 chị H gửi đơn đến CQĐT tố giác bị cáo Nguyễn Thị Hải L có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị số tiền 30.000.000.000 đồng. Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Thị Hải L nộp khắc phục cho chị H 1.300.000.000 đồng và yêu cầu Huỳnh Hải H2 trả cho chị H số tiền 1.000.000.000 đồng.

Xác minh tại Văn phòng Quốc hội: Văn phòng Quốc hội đang quản lý cơ sở nhà đất tại số 27A phố Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm và số 35 phố Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Văn phòng Quốc hội không có chủ trương bán thanh lý tài sản là nhà đất tại các địa chỉ trên. Không có hồ sơ năng lực nào đứng tên Công ty N được gửi đến Văn phòng Quốc hội để xin mua thanh lý nhà đất số 27A phố Trần Hưng Đạo và số 35 Ngô Quyền.

Kết luận giám định số 3985/KLGD-PC09-Đ3 ngày 20/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hà Nội, kết luận: 01 giấy biên nhận đặt cọc nhà (35 Ngô Quyền) đề ngày 25/3/2018 là chữ ký và chữ viết của bị cáo Nguyễn Thị Hải L.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét đã thu giữ:

- 01 sơ đồ hiện trạng đề tên công trình nhà khách 27A phố Trần Hưng Đạo - Văn phòng Quốc hội lập năm 2011; 01 hợp đồng chuyển nhượng nhà liền kề giữa Nguyễn Thị Hải L và Trần Hải S; 01 sổ tiết kiệm của Nguyễn Thị Hải L mở tại Ngân hàng Sacombank trị giá 01 tỷ đồng; 01 giấy biên nhận của Ngân hàng ACB Phòng giao dịch Tây Hồ đứng tên Nguyễn Thị Hải L đối với sổ tiết kiệm ACB số 266227129 trị giá 1.950.000.000 đồng và sổ tiết kiệm ACB số: 264765579 trị giá 04 tỷ đồng và các hóa đơn chứng từ chuyển tiền đứng tên Nguyễn Thị Hải L tại các ngân hàng.

Kết quả xác minh đối với các bất động sản, phương tiện, tài khoản tiền gửi, tài khoản tiết kiệm đứng tên Nguyễn Thị Hải L trên các tài liệu nêu trên xác định: ngày 06/02/2018 và ngày 12/04/2018 Nguyễn Thị Hải L đứng tên mua và sở hữu 02 căn nhà liền kề tại dự án khu nhà ở tái định cư và kinh doanh do Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp H làm chủ đầu tư tại phường Xuân La, quận Tây Hồ. Ngày 12/10/2018, bị cáo L đã chuyển nhượng 02 căn nhà trên cho anh Trần Hải S, *sinh năm 1982, HKTT: Số xx, phường X, quận B, thành phố Hà Nội*). Đến tháng 3/2019, anh S chuyển nhượng 2 căn liền kề trên cho anh Phạm Ngọc C (sinh: 1983, trú tại: Số nhà xx, phường B, quận Đ, thành phố Hà Nội). Thực hiện xác minh hiện anh C vắng mặt tại địa phương.

Các tài khoản tiết kiệm, tài khoản thanh toán đứng tên Nguyễn Thị Hải L mở tại các Ngân hàng ACB, Sacombank hiện không có tiền (đã tắt toán).

Tại cơ quan điều tra: chị Vũ Thị H khai nội dung như đã nêu trên và khai đã nhận đủ số tiền 13.500.000.000 đồng đặt cọc để mua lô đất 27A phố Trần Hưng Đạo do bị cáo L và những người liên quan hoàn trả, chị H không đề nghị xử L các cá nhân có liên quan đến giao dịch mua lô đất trên. Số tiền 30.000.000.000 đồng chị H đặt cọc cho bị cáo L để mua lô đất 35 Ngô Quyền, đến nay bị cáo L mới trả cho chị H 1,3 tỷ đồng, còn lại 28,7 tỷ đồng L chưa trả. Ngoài ra bị cáo L còn vay của chị số tiền 5.400.000.000 đồng (*gồm 2.000.000.000 đồng ngày 18/5/2018; 1.400.000.000 đồng vào ngày 01/6/2018 và 2.000.000.000 đồng vào ngày 20/8/2018*), sau đó ngày 25/03/2019 bị cáo L trả cho chị H 3.000.000.000 đồng (bằng tiền mặt), Huỳnh Hải Hưng trả 1.000.000.000 đồng vào tháng 4/2022, chị H xác định đây là các khoản tiền bị cáo L trả nợ vay khoản 5.400.000.000 đồng trước đó để, không phải tiền khắc phục hậu quả số tiền 30.000.000.000 đồng bị cáo L chiếm đoạt của chị H. Chị H yêu cầu L tiếp tục hoàn trả cho chị số tiền 28.700.000.000 đồng còn chiếm đoạt trong việc hứa mua nhà 35 Ngô Quyền và tiếp tục trả số tiền vay là 1.400.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Thị Hải L khai nhận hành vi phạm tội như trên và khai: trong số tiền 30.000.000.000 đồng bị cáo L nhận đặt cọc của chị H để mua lô đất 35 Ngô Quyền thì bị cáo L đã sử dụng số tiền 3.139.875.000 đồng để thanh toán tiền mua lô đất LK13 dự án khu nhà ở tái định cư và kinh doanh do Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp H36 làm chủ đầu tư tại phường Xuân La, quận Tây Hồ; sử dụng số tiền 1.500.000.000 đồng để trả tiền thi công xây dựng nhà trên lô đất LK12, LK13 dự án trên; trả nợ vay 1.020.000.000

đồng. Đưa cho Huỳnh Hải H2 số tiền 1.000.000.000 đồng để Hưng chi phí liên hệ thuê mặt bằng lô đất 35 Ngô Quyền (Sau này Hưng đã trả cho bà H). Số tiền còn lại, bị cáo L khai đã sử dụng để đầu tư mua bán tiền ảo kỹ thuật số (Bitcoin) trên mạng xã hội nhưng sau đó bị thua lỗ hết. Bị cáo L đã khắc phục cho chị H 5.300.000.000 đồng (gồm 3.000.000.000 đồng có giấy viết tay ngày 25/03/2019, yêu cầu anh Hưng trả bà H 1.000.000.000 đồng và ngày 09/01/2022 nộp 1.300.000.000 tại Cơ quan điều tra. Bị cáo L xác nhận có vay của chị H 5.400.000.000 đồng nhưng đây là việc vay mượn cá nhân giữa bị cáo L và chị H không liên quan đến khoản tiền mua thanh L nhà của Văn phòng Quốc hội. Ngoài ra bị cáo L khai có đưa cho ông Đặng Minh T1 nhiều lần từ ngày 01/2018 đến tháng 2/2018 với tổng số tiền 2 tỷ đồng liên quan đến việc mua thanh L nhà đất 27A phố Trần Hưng Đạo.

Tại Cơ quan điều tra: anh Trần Minh T1, Hoàng V2, Nguyễn Đăng V1, Huỳnh Hải H2, Nguyễn Thị Ngọc B đều khai nhận nội dung như trên. Các anh Trần Minh T1, Hoàng V2, Nguyễn Đăng V1 đã hoàn trả lại số tiền 1.500.000.000 đồng cho chị H liên quan đến giao dịch mua nhà 27A phố Trần Hưng Đạo. Anh Huỳnh Hải H2 hoàn trả 1.000.000 đồng cho bà H liên quan đến khoản tiền mua thanh L nhà 35 Ngô Quyền.

Ông Đặng Minh T1 khai nội dung liên quan đến giao dịch nhà 27A phố Trần Hưng Đạo như đã nêu trên. Ngoài ra ông Đặng Minh T1 khai có nhận số tiền 2 tỷ đồng của bị cáo L nhưng không phải để mua thanh lý nhà 27A phố Trần Hưng Đạo như bị cáo L khai với Cơ quan điều tra. Thực chất đây là tiền bị cáo L cho ông T1 vay nhưng bị cáo L yêu cầu ông T1 phải ghi nội dung liên quan đến nhà 27A phố Trần Hưng Đạo. Trong việc giới thiệu B cho bị cáo L để mua thanh lý lô đất trên ông không được hưởng lợi hay thỏa thuận việc nhận tiền của chị H.

Anh Đỗ Minh T1 khai: qua quan hệ xã hội nên quen biết bị cáo L. Đến khoảng tháng 8/2018 trong lần L đến nhà bố mẹ ông T1 để chơi và biết vợ chồng anh T1 có dự định mua nhà thì bị cáo L tự nguyện cho anh T1 vay số tiền 12 tỷ đồng nhưng không đưa ra yêu cầu, điều kiện gì, bị cáo L một vài lần gọi điện hỏi anh T1 thông tin về việc nhà nước bán thanh lý lô đất 27A phố Trần Hưng Đạo nhưng anh T1 trả lời không biết thông tin. Sau đó bị cáo L nói với anh T1 việc làm ăn giữa bị cáo L với chị H gặp trục trặc nên bị cáo L đề nghị hoàn trả số tiền 12 tỷ đồng bị cáo L cho ông T1 vay trước đó để trả cho chị H, nên khoảng cuối năm 2018 anh T1 đã trả trực tiếp cho chị H số tiền trên theo yêu cầu của bị cáo L nhưng không lập giấy tờ ghi nhận, anh T1 không biết việc giao dịch mua bán nhà 27A phố Trần Hưng Đạo giữa chị H và bị cáo L.

Thực hiện đối chất:

- Đối chất giữa ông Đặng Minh T1 với bị cáo Nguyễn Thị Hải L xác định số tiền 02 tỷ đồng bị cáo L khai đưa cho ông Đặng Minh T1 là số tiền của cá nhân bị cáo L, không phải tiền bị cáo L nhận của chị H để đặt cọc mua lô đất 27A phố Trần Hưng Đạo. Tuy nhiên để ràng buộc nghĩa vụ trả nợ của ông Đặng

Minh T1 thì bị cáo L đã yêu cầu ông Đặng Minh T1 viết giấy biên nhận nội dung nhận tiền để giải quyết công việc lô đất 27A phố Trần Hưng Đạo.

- Kết quả đối chất giữa anh Huỳnh Hải H2 với bị cáo Nguyễn Thị Hải L xác định bị cáo L có nhờ H2 tìm hiểu thông tin về lô đất 27A phố Trần Hưng Đạo và tìm hiểu thông tin về chủ trương cho thuê lô đất 35 Ngô Quyền. Bị cáo L có chuyển đến tài khoản của anh Hưng số tiền 01 tỷ đồng ghi nội dung để thuê mặt bằng 35 Ngô Quyền. Riêng lô đất 27A phố Trần Hưng Đạo, bị cáo L không đưa tiền cho anh H2. Sau khi chị H không đồng ý thuê lô đất 35 Ngô Quyền thì bị cáo L, chị H và anh H2 đã thỏa thuận để anh H2 trả số tiền 01 tỷ đồng cho chị H.

- Kết quả đối chất giữa anh Đỗ Minh T1 với bị cáo Nguyễn Thị Hải L: anh T1 giữ nguyên lời khai như đã nêu trên. Riêng bị cáo Nguyễn Hải L khai số tiền 12 tỷ đồng bị cáo L đưa để nhờ anh T1 giúp mua thanh lý lô đất 27A phố Trần Hưng Đạo.

Đối với việc bị cáo Nguyễn Thị Hải L còn thực hiện hành vi gian dối giới thiệu với chị Vũ Thị H về việc Nhà nước có chủ trương bán thanh lý nhà đất 27A phố Trần Hưng Đạo để nhận 13.500.000.000 đồng của chị Vũ Thị H. Nhưng bị cáo L và các cá nhân liên quan như Đặng Minh T1, Nguyễn Thị Ngọc B không giúp chị H mua được lô đất trên. Anh Đỗ Minh T1 có nhận số tiền 12.000.000.000 đồng từ bị cáo L nhưng không biết về nguồn gốc số tiền và nội dung giao dịch của bị cáo L và chị H, không có tài liệu xác định anh Đỗ Minh T1 hứa hẹn giúp bị cáo L mua thanh lý nhà 27A phố Trần Hưng Đạo. Khi chị H yêu cầu trả lại tiền nên cuối năm 2018 bị cáo L và các cá nhân có liên quan đã hoàn trả đầy đủ số tiền nêu trên cho chị H, sau khi nhận lại tiền chị H không yêu cầu đề nghị gì đối với vụ việc trên. Tài liệu chứng cứ thu thập chưa đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Thị Hải L, Đặng Minh T1, Nguyễn Thị Ngọc B, Đỗ Minh T1 có hành vi chiếm đoạt tài sản của chị H liên quan đến lô đất trên, nên Cơ quan điều tra không xử L đối với bị cáo L và các đối tượng liên quan về hành vi này.

Đối với Huỳnh Hải H2 là người đã đưa ra thông tin khi tìm hiểu qua mạng và qua các kênh môi giới về việc nhà nước có chủ trương bán thanh lý lô đất 27A phố Trần Hưng Đạo, cho thuê lô đất 35 Ngô Quyền và nhận số tiền 1.000.000.000 đồng (là tiền của chị H). Kết quả điều tra xác định H2 không biết về thỏa thuận giữa bị cáo L và chị H đối với hai lô đất trên; H2 không tham gia bàn bạc với bị cáo L khi bị cáo L thỏa thuận và nhận tiền đặt cọc của chị H để mua 02 lô đất trên. Sau khi bị cáo L yêu cầu trả lại tiền, anh H2 đã hoàn trả số tiền trên cho chị H. Chị H không có yêu cầu đề nghị gì đối với Huỳnh Hải H2. Tài liệu chứng cứ đã thu thập, chưa đủ căn cứ xác định Huỳnh Hải H2 có hành vi đồng phạm với bị cáo Nguyễn Thị Hải L về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên cơ quan điều tra không xử L gì đối với anh H2.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 2.760.000 tỷ đồng của chị Vy Thị T

Năm 2021, thông qua hoạt động môi giới bất động sản tự do tại Hà Nội

thì chị Nguyễn Thị V gặp và quen ông Trần Văn C1. Ông C1 có thửa đất nông nghiệp diện tích 1.200 m² tại phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm muốn làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*Sổ đỏ*) đối với thửa đất trên để bán, ông C1 có nhu cầu bán đất hoặc hợp tác đầu tư làm thủ tục cấp sổ đỏ đối với thửa đất nên chị V đã giới thiệu để chị Vy Thị T thỏa thuận hợp tác với ông C1 bằng việc chị T bỏ chi phí, tìm mối quan hệ để làm thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở lâu dài, tách thửa đối với thửa đất trên thành 06 thửa mỗi bên sẽ được quyền sở hữu 03 thửa đất.

Chị V đã giới thiệu bị cáo Nguyễn Thị Hải L cho chị Vy Thị T, khi gặp bị cáo L giới thiệu quen biết lãnh đạo UBND thành phố Hà Nội, có thể giúp làm được thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, tách thửa và cấp sổ đỏ với chi phí 750 triệu đồng/01 sổ đỏ, sau 3 tháng sẽ có sổ đỏ. Tin tưởng nên ngày 28/10/2021 chị T ký thỏa thuận nhờ bị cáo L làm trọn gói thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng đất, tách thửa, cấp sổ đỏ đối với thửa đất của ông Trần Văn C1 tại phường Xuân Đình, Hà Nội thành 06 sổ đỏ với chi phí 750 triệu đồng/sổ đỏ (*tổng số tiền chị T phải trả cho bị cáo L là 4,5 tỷ đồng*) trong thời hạn 3 tháng và được gia hạn 2 tháng.

Từ ngày 29/10/2021 đến ngày 29/11/2021, chị T đã 07 lần chuyển tiền từ tài khoản số 14023710027016 của chị Vy Thị T mở tại ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) chi nhánh Lạng Sơn đến tài khoản số 27378888 của bị cáo Nguyễn Thị Hải L mở tại ngân hàng ACB Phòng giao dịch Tây Hồ với tổng số tiền 975 triệu đồng (ngày 29/10/2021 chuyển 110 triệu đồng; ngày 05/11/2021 chuyển 90 triệu đồng; ngày 08/11/2021 chuyển 10 triệu đồng; ngày 24/11/2021 chuyển 200 triệu đồng; ngày 25/11/2021 chuyển 300 triệu đồng; ngày 29/11/2021 chuyển 265 triệu đồng).

Ngày 15/11/2021, bị cáo L thuê Công ty TNHH nhà nước một thành viên địa chính Hà Nội, địa chỉ: Số 9B Nguyễn Hồng, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội đến trích đo, vẽ sơ đồ thửa đất của ông C1 thành 06 thửa đất và yêu cầu chị T chuyển số tiền 25.000.000 đồng đến tài khoản số: 0040113021006 của anh Trần Duy Hưng (Sinh năm 1973, HKTT: Số 36 ngõ 73 Nguyễn Lương Bằng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội) mở tại Ngân hàng TMCP quân đội (MB) thanh toán tiền đo vẽ bản đồ thửa đất. Tiếp theo đến ngày 29/11/2021, bị cáo L tiếp tục yêu cầu chị T chuyển khoản 10.000.000 đồng đến tài khoản số 19036503701011 của anh Hoàng Việt Anh (Sinh năm 1965, HKTT: Số nhà 84 ngõ 64 Kim Giang, phường Kim Giang, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội) mở tại Ngân hàng Techcombank để thanh toán tiền đo vẽ.

Đến ngày 06/12/2021, chị T đi cùng anh Hoàng Văn Dũng (Sinh năm 1965, HKTT: Số 26 Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn), chị Nguyễn Thị V đến nhà bị cáo L theo yêu cầu của bị cáo L để hoàn thiện hồ sơ và chuyển tiền làm sổ đỏ. Tại đây, chị T gặp và được Lê Hải Đông (Sinh năm 1970, HKTT: P408 nhà N12 K9 Bạch Đằng, quận Hai Bà

Trung, thành phố Hà Nội; hiện vắng mặt tại nơi cư trú); trước đó bị cáo L đã giới thiệu Đông là Lãnh đạo UBND thành phố Hà Nội; tại đây Đông đã hướng dẫn chị T khai thông tin, ký tên trên một sổ tài liệu để nộp hồ sơ đề nghị cấp sổ đỏ. Sau đó tại phòng ăn nhà bị cáo L, chị T đưa cho bị cáo L số tiền 1.250.000.000 đồng, bị cáo L đưa thêm số tiền 250.000.000 đồng để giao cho Đông tổng số tiền 1.500.000.000 đồng (đựng trong túi vải). Đông cầm túi vải đựng số tiền của chị T giao và đi về trước. Bị cáo L viết giấy nhận tiền vào sổ tay của chị T nội dung: *L nhận tổng số tiền đợt 1: 01 tỷ Việt Nam đồng, đợt 2: 1 tỷ 250 triệu đồng, cộng tổng tất 2,250 tỷ đồng để làm sổ đỏ đất ở lâu dài tại ngõ 554 Xuân Đình Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội...*

Hai bên thỏa thuận sau 90 ngày (*kể từ ngày 6/12/2021*) bị cáo L sẽ hoàn thành việc cấp sổ đỏ cho chị T và ông C1, nếu không hoàn thành thì bị cáo L phải trả lại tiền và bồi thường số tiền 30% tổng giá trị hợp đồng (*Trương ứng số tiền 1,5 tỷ đồng*). Ngày 12/01/2022, chị T yêu cầu bị cáo L ký giấy giao nhận tiền với nội dung bị cáo L đã nhận của chị T tổng số tiền 2.250.000.000 đồng để làm 06 sổ đỏ cho chị T.

Cũng trong tháng 12/2021, trong khi chị T đang chờ bị cáo L làm thủ tục xin cấp sổ đỏ cho chị T và ông C1 thì được biết thông tin con trai ông C1 là Trần Quốc C bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc bắt, khởi tố, tạm giam về tội Tàng trữ, Mua bán trái phép chất ma túy, vụ án chuẩn bị đưa ra xét xử. Lúc này, bị cáo L nói với ông C1 bản thân bị cáo L có quan hệ quen biết với lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao, lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao nên bị cáo L có thể giúp xin cho cháu C được xử ở mức án khoản 1 hoặc khoản 2, tương đương mức hình phạt khoảng 7 năm tù giam với chi phí 2.000.000.000 đồng. Ông C1 phải đưa trước cho bị cáo L số tiền 1.000.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ đưa sau khi C bị xét xử. Ông C1 đồng ý nhờ bị cáo L xin giảm nhẹ hình phạt cho cháu C với chi phí như trên nhưng nhờ chị T sẽ ứng trước số tiền 500.000.000 đồng đưa cho bị cáo L, ông C1 sẽ trả cho chị T bằng tiền hoặc bằng đất sau khi bị cáo L làm được các sổ đỏ đối với thửa đất của ông C1.

Ngày 13/12/2021, chị T chuyển số tiền 200 triệu đồng đến tài khoản số 27378888 của bị cáo L để bị cáo L xin giảm nhẹ hình phạt cho cháu C. (L khai đã đưa số tiền trên cho Lê Hải Đ nhưng *không có giấy tờ giao nhận, không có người khác chứng kiến*) để nhờ Đ xin giảm án cho cháu C. Sau đó Lê Hải Đ yêu cầu chị T, bị cáo L đi cùng Đ đến gặp lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc để xin giảm án nhưng khi đến thành phố Vĩnh Yên thì Đ đề nghị chỉ Đ đi gặp trao đổi công việc, lúc này trên xe ô tô chị T đưa cho bị cáo L số tiền 300 triệu đồng (*để trong túi nilon*) để bị cáo L đưa cho Đ còn chị T và bị cáo L đi về Hà Nội trước. Kết quả xét xử vụ án, cháu C bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tuyên phạt 17 năm tù giam. Ông C1 liên hệ để hỏi thông tin thì biết không có ai liên hệ xin giảm án cho cháu C trong vụ án trên.

Đến tháng 02/2022, chị T nhiều lần liên lạc với bị cáo L để hỏi tiến độ công việc bị cáo L làm sổ đỏ cho chị T, ban đầu bị cáo L đưa ra các lý do như: dịch bệnh Covid-19, ông Đ đang đi công tác, việc cấp sổ đỏ tại Hà Nội đang bị

thanh tra kiểm tra.....để trì hoãn việc trả lời kết quả cho chị T. Sau đó, chị T nhiều lần hỏi kết quả nên bị cáo L nói với chị T hồ sơ cấp sổ đỏ của chị T đã được Đ gửi đến bộ phận một cửa UBND thành phố Hà Nội nhưng do xin theo diện quan hệ nên không có giấy tiếp nhận hồ sơ, Đ đã ứng trước số tiền 17.000.000 đồng để nộp tạm ứng tiền thuế đất cho chị T. Bị cáo L hứa hẹn đến tháng 3/2022 chị T sẽ nhận được thông báo nộp thuế đối với các thửa đất cần tách. Đến tháng 3/2022 chị T tiếp tục đến nhà bị cáo L để hỏi kết quả và yêu cầu bị cáo L gọi điện cho Đông để chị T nói chuyện thì Đ nói với chị T là Đ đang đi công tác, hồ sơ đề nghị tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất và cấp sổ đỏ của chị T đã được Đ gửi đến bộ phận một cửa UBND thành phố Hà Nội, tháng 6/2022 chị T sẽ nhận được thông báo nộp thuế đối với 03 thửa đất trước.

Lúc này chị T nghi nên đã truy vấn thì bị cáo L thừa nhận Đ không phải là Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội nhưng cũng là cán bộ nguồn chuẩn bị được bổ nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, Đ đã làm được sổ đỏ cho bị cáo L và nhiều người khác. Chị T tin tưởng, tiếp tục chờ nhưng đến ngày 12/05/2022 chị T nhận được thông tin bị cáo Nguyễn Thị Hải L bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội khởi tố, bắt tạm giam về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Chị T đã nhiều lần gọi điện cho Lê Hải Đông để hẹn gặp, yêu cầu Đông trả lại tiền cho chị T nhưng Đ hứa hẹn sẽ gặp chị T để giải quyết công việc nhưng sau đó Đông cắt liên lạc, ngày 16/06/2022, chị T làm đơn tố giác bị cáo Nguyễn Thị Hải L, Lê Hải Đ về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội để điều tra, xử L theo quy định.

Kết luận giám định số: 7101 ngày 12/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận: 01 giấy biên nhận ngày 06/12/2021 có nội dung L nhận số tiền 2.250.000.000 đồng của chị Vy Thị T; 01 sổ bìa cứng có nội dung ghi ngày 12/01/2022 L nhận của chị Tuyền 2.250.000.000 đồng để làm sổ đỏ; 01 hợp đồng dịch vụ lập ngày 28/10/2022 có nội dung thỏa thuận L nhận dịch vụ chuyển đổi mục đích sử dụng đất và xin cấp sổ đỏ cho chị T và ông C1: là chữ viết và chữ ký của bị cáo Nguyễn Thị Hải L.

Kết quả xác minh tại các cơ quan: Văn phòng UBND thành phố Hà Nội, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh Bắc Từ Liêm, xác định: không có hồ sơ của cá nhân nộp xin chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Vy Thị T và ông Trần Văn C1 đối với thửa đất diện tích 833,6 m² tại tổ dân phố Cáo Đình 4, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Cơ quan điều tra đã tổ chức cho chị Vy Thị T, bị cáo Nguyễn Thị Hải L, chị Nguyễn Thị V và anh Hoàng Văn D nhận dạng đối với Lê Hải Đ (*sinh năm 1970, HKTT: P4xx nhà N, quận H, thành phố Hà Nội*), kết quả các điều nhận dạng được Lê Hải Đ và khẳng định là người đã nhận tiền của chị T và của bị cáo L như đã nêu trên. Xác minh tại nơi cư trú hiện Đ vắng mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm, áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm hoãn xuất cảnh đối với Lê Hải Đ tuy nhiên đến nay chưa xác định được Đ đang ở đâu.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Hải L khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên và khai: sau khi nhận của chị T tổng số tiền 2.760.000.000 đồng, bị cáo L đã đưa cho Lê Hải Đ số tiền 2.100.000.000 đồng (gồm 1.600.000.000 đồng để làm thủ tục cấp sổ đỏ, 500.000.000 đồng để Đóng xin giảm án cho cháu C) nhưng không lập giấy tờ giao nhận nhưng việc đưa số tiền 1.800.000.000 đồng cho Đ có chị T chứng kiến (gồm tại nhà bị cáo L 1.500.000.000 đồng và trên xe ô tô tại khu vực tỉnh Vĩnh Phúc 300.000.000 đồng). Số tiền còn lại của chị T, bị cáo L đã sử dụng trả tiền thuê đo vẽ bản đồ thửa đất của ông C1 hơn 100 triệu đồng; trả công môi giới cho chị Nguyễn Thị V 70.000.000 đồng; trả tiền thuê nhà số 611 Lạc Long Quân, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội và chi phí sinh hoạt cá nhân hết. Đến nay bị cáo L không còn tài sản nào khác để khắc phục hậu quả thiệt hại tài sản cho chị T. Ngoài ra bị cáo L còn vay chị T số tiền 60.000.000 đồng nhưng chưa trả.

Chị T khai nội dung như đã nêu trên và yêu cầu bị cáo L phải trả lại cho chị số tiền 2.760.000.000 đồng đã chiếm đoạt và 60.000.000 đồng số tiền đã vay.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Nguyễn Thị Hải L trả lại cho chị Vy Thị T tổng số tiền 2.760.000.000 đồng (bà V nhận trả cho chị T 70 triệu đồng, còn bị cáo L phải trả cho chị T 2.690.000 000 đồng chị Vũ Thị H số tiền 27.700.000.000 đồng).

Tại Bản án số 626/2023/HSST ngày 29-12-2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 39 và Điều 48 Bộ luật hình sự; xử phạt Nguyễn Thị Hải L tù chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Nguyễn Thị Hải L trả cho bà Vũ Thị H 27.700.000 đồng, trả cho bà Vy Thị T số tiền 2.690.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị V phải trả cho bà T 70.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định việc xử lý vật chứng, về án phí theo định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05-01-2024, bị cáo Nguyễn Thị Hải L kháng cáo cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo tù chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là quá nặng.

Tại phiên tòa:

Gia đình bị cáo nộp tài liệu Bệnh án tâm thần (bản sao) của Nguyễn Thị Hải L và Giấy chứng nhận điều trị thể hiện từ ngày 13-12-2016 đến ngày 16-01-2017, Nguyễn Thị Hải L đã điều trị tại Khoa phục hồi chức năng Bệnh viện tâm thần Nghệ An, chẩn đoán bệnh F07.9 (rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn).

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị xem xét việc bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ giảm hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao cho rằng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn Thị Hải L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng. Quá trình điều tra, bị cáo khai báo rõ ràng, thống nhất về hành vi phạm tội; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án; tại Bệnh án T1 thần thể hiện khi ra viện vào ngày 16-01-2017 bệnh đã ổn định. Không có căn cứ nghi về năng lực trách nhiệm hình sự của bị cáo để trưng cầu giám định.

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; tài sản bị chiếm đoạt rất lớn; việc bồi thường khắc phục hậu quả không đáng kể. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù không thời hạn đối với bị cáo là đúng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo và bị hại có quan hệ góp tiền cùng kinh doanh, bị cáo không có ý định chiếm đoạt tài sản từ đầu khi nhận tiền góp vốn của bị hại. Hành vi của bị cáo có dấu hiệu của tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (không phải hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản). Bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có bệnh án điều trị bệnh T1 thần; đề nghị xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Từ năm 2018, Văn phòng Quốc hội không có chủ trương bán thanh lý tài sản là nhà đất tại địa chỉ số 35 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; mặc dù không có chức năng, không có khả năng đề mua thanh lý các diện tích đất thuộc quản lý của Văn phòng Quốc hội nhưng bị cáo Nguyễn Thị Hải L đã đưa ra thông tin gian dối giới thiệu với chị Vũ Thị H về việc Nhà nước bán thanh lý lô đất tại số 35 Ngô Quyền diện tích 35.000 m² với giá 400.000 đồng/m², cam kết có mối quan hệ với lãnh đạo Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội sẽ mua thanh lý giúp chị H lô đất trên trong thời gian 6 tháng. Tin tưởng vào các thông tin mà bị cáo L giới thiệu, trong thời gian từ ngày 05/02/2018 đến 26/03/2019 chị H đã 04 lần chuyển khoản đến số tài khoản số: 255255259 của bị cáo Nguyễn Thị Hải L mở tại ngân hàng TMCP Á Châu số tiền 30.000.000.000 đồng để đặt cọc mua thanh lý lô đất 35 Ngô Quyền. Sau khi nhận tiền của chị H, bị cáo L không liên hệ, nộp hồ sơ đăng ký xin mua lô đất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà chiếm đoạt số tiền 30.000.000.000 đồng của chị H để sử dụng vào các mục đích cá nhân. Hiện bị cáo L đã khắc phục trả cho chị H 2.300.000.000 đồng còn 27.700.000.000 đồng chưa khắc phục.

Ngoài ra, mặc dù không có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến việc xin cấp sổ đỏ, xét giảm án phạt tù, nhưng khoảng tháng 10/2021, do cần tiền chi tiêu cá nhân, khi gặp chị Vy Thị T, bị cáo L đã đưa ra các thông tin gian dối như: giới thiệu bản thân là chủ sở hữu của nhà đất 611 Lạc Long Quân, phường Xuân

La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội (Thực tế là nhà đi thuê), giới thiệu Lê Hải Đ là lãnh đạo UBND thành phố Hà Nội, có thể làm được thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Vy Thị T đối với thửa đất của ông Trần Văn C1 tại phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; bản thân bị cáo có thể xin giảm nhẹ hình phạt cho con trai ông Trần Văn C1 khi bị xét xử tại tỉnh Vĩnh Phúc. Tin tưởng vào giới thiệu như trên, chị Vy Thị T đã chuyển cho bị cáo L tổng số tiền 2.760.000.000 đồng (trong đó 2.225.000.000 đồng để L làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị T và ông C1, 35.000.000 đồng đo vẽ bản đồ thửa đất và 500.000.000 đồng để bị cáo L xin giảm nhẹ hình phạt cho con trai ông C1). Sau khi nhận tiền của chị T, bị cáo L không thực hiện như cam kết mà chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân hết số tiền nêu trên. Hiện bị cáo L chưa khắc phục số tiền 2.760.000.000 đồng cho chị Tuyên. Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thị Hải L chiếm đoạt của hai bị hại là 32.760.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn Thị Hải L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, gia đình bị cáo nộp tài liệu Bệnh án tâm thần (bản sao) của Nguyễn Thị Hải L và Giấy chứng nhận điều trị thể hiện từ ngày 13-12-2016 đến ngày 16-01-2017 (trước khi phạm tội), Nguyễn Thị Hải L đã điều trị tại Khoa phục hồi chức năng Bệnh viện yaam thần Nghệ An, chẩn đoán bệnh F07.9 (rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn ...). Tuy nhiên, trong quá trình xử lý vụ án, bị cáo khai báo rõ ràng, thống nhất về hành vi phạm tội; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án; tại Bệnh án tâm thần thể hiện khi ra viện vào ngày 16-01-2017 bệnh đã ổn định. Không có căn cứ nghi ngờ về năng lực trách nhiệm hình sự của bị cáo để trưng cầu giám định đối với bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; tài sản bị chiếm đoạt rất lớn; phần lớn tài sản bị chiếm đoạt chưa bồi thường; bị cáo còn phạm vào tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên. Sau khi phạm tội về cơ bản bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; bồi thường một phần thiệt hại khắc phục hậu quả; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; bản thân đã có thời gian điều trị bệnh; đây là các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo.

Xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết của vụ án, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù không thời hạn đối với bị cáo là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và hậu quả đặc biệt nghiêm trọng của vụ án. Không có căn cứ giảm hình phạt cho bị cáo.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Bị cáo phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hải L và giữ nguyên Bản án số 626/2023/HSST ngày 29-12-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội như sau: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b và s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 39 Bộ luật hình sự; xử phạt Nguyễn Thị Hải L tù chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12-5-2022.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm nêu trên đã có hiệu lực pháp luật.

3. Bị cáo Nguyễn Thị Hải L phải nộp án phí phúc thẩm là 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp. Hà Nội;
- VKSND tp. Hà Nội;
- Công an tp. Hà Nội;
- Trại tạm giam CA tp. Hà Nội
(02 bản để giao cho bị cáo 01 bản);
- Cục T.H.A DS tp. Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam